ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

KẾT QUẢ THI CUỐI KHÓA MÔN TRIẾT KHÓA THÁNG 3/2022 (LẦN 2)

(Chương trình không chuyên dành cho học viên Sau đại học)

Khóa học: từ 01/03/2022 đến 29/03/2022 Số tín chỉ: 3

Ngày thi lần 2: 18g00, ngày 05/10/2022

(Quyết định thành lập HĐ số 562/QĐ-KHTN ngày 15/04/2022)

1. Cách tính điểm môn Triết

*** Học viên phải học và thi đủ cả 3 phần của môn học: giữa kỳ (GK), khóa luận (KL), cuối kỳ (CK)**

*** Điểm bài thi cuối kỳ phải đạt từ 5.0 điểm trở lên.** Điểm bài thi giữa kỳ và khóa luận không tính điểm liệt

*** Điểm môn học (ĐMH)** = (Điểm giữa kỳ * 10%) + (điểm khóa luận* 30%) + (điểm cuối khóa* 60%)

Điểm môn học (ĐMH) **đạt** khi ĐMH ≥ 5.5 điểm và điểm bài thi cuối kỳ ≥ 5.0 điểm

Điểm môn học (ĐMH) **không đạt** khi ĐMH < 5.5 điểm, hoặc điểm bài thi CK < 5.0 điểm

2. Kết quả môn Triết:

Học viên đạt yêu cầu điểm thi môn Triết học, phòng ĐT Sau đại học sẽ tự cập nhật điểm vào hệ thống chương trình thạc sĩ và không cấp chứng nhận môn Triết

Nếu học viên có nhu cầu sử dụng kết quả thi môn triết để dùng cho mục đích cá nhân khác thì đăng ký cấp giấy xác nhận qua email: dtsaudaihoc@hcmus.edu.vn hay trực tiếp tại phòng ĐT Sau đại học.

Stt	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi				Ghi chú	Mã HV
						GK	KL	CK	ĐMH		
1	Tr 002	Nguyễn Ngọc Sơn	An	26/10/1995	Long An	6.5	7.0	***6.0***	**6.5**	đạt	20C29001
2	Tr 004	Nguyễn Tri Mẫu	Ân	28/05/1990	Biên Hoà	7.0	6.0	***5.5***	**6.0**	đạt	20C29003
3	Tr 210	Nguyễn Xuân	Chân	18/11/1996	Thanh Hóa	4.0	6.0	***7.0***	**6.5**	đạt	20C22002
4	Tr 014	Trần Kim	Chi	21/04/1997	TP.HCM	6.5	7.0	***7.5***	**7.5**	đạt	20C32003
5	Tr 017	Nguyễn Mạnh	Cường	07/03/1997	TP.HCM	6.0	7.0	***6.5***	**6.5**	đạt	21C67003
6	Tr 023	Trần Quang	Điền	17/10/1999	Bến Tre	7.0	6.0	***3.0***		không đạt	21C65002
7	Tr 024	Trương Quang	Định	01/01/1992	Long An	5.5	7.0	***4.0***		không đạt	20C11021
8	Tr 025	Võ Hữu Minh	Đức	07/04/1998	TP.HCM	5.5	6.0	***7.5***	**7.0**	đạt	21C67006
9	Tr 040	Phạm Thanh	Hằng	10/11/1997	Đà Nẵng	7.5	7.0	***7.0***	**7.0**	đạt	21C67010
10	Tr 049	Nguyễn Đỗ	Hiệp	10/07/1972	Tiền Giang	4.0	7.0	***7.0***	**6.5**	đạt	20C28002
11	Tr 060	Trần Mạnh	Hùng	17/09/1996	Bắc Ninh	6.0	7.0	***5.5***	**6.0**	đạt	20C29023
12	Tr 093	Vũ Đức	Minh	29/08/1995	TP.HCM	7.5	7.0	***7.0***	**7.0**	đạt	21C39006
13	Tr 103	Nguyễn Phúc	Nghĩa	24/01/1995	TP.HCM	6.0	6.0	***4.0***		không đạt	20C22004
14	Tr 123	Hà Hữu	Pháp	25/07/1993	Lâm Đồng	4.0	***6.0***	6.0	**6.0**	đạt	20C11010
15	Tr 214	Lê Trần Thanh	Phong	21/04/1974	Sài Gòn			***7.0***	**7.0**	đạt	20C11045
16	Tr 133	Đặng Vinh	Quang	25/08/1988	BR - VT	7.5	7.0	***4.0***		không đạt	20C82004
17	Tr 137	Trần Mai Ngọc	Quỳnh	18/01/1997	BR-VT	7.0	7.0	***7.0***	**7.0**	đạt	21C56020
18	Tr 138	Hồ Thị Thu	Ranl	14/06/1986	Bến Tre	7.5	7.0	***7.0***	**7.0**	đạt	21C61011
19	Tr 139	Trần Ngọc	Sang	23/08/1999	Long An	5.5	6.0	***7.5***	**7.0**	đạt	21C61012
20	Tr 144	Nguyễn Thanh	Tấn	19/01/1999	Cần Thơ	7.5	7.0	***6.5***	**7.0**	đạt	21C64015
21	Tr 149	Đào Việt	Thắng	01/01/1998	Bình Định	5.5	7.0	***7.0***	**7.0**	đạt	21C11028
22	Tr 168	Thái Thị Thanh	Thủy	31/07/1993	Tiền Giang	7.0	7.0	***8.0***	**7.5**	đạt	20C39011

Stt	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi				Ghi chú	Mã HV
						GK	KL	CK	ĐMH		
23	Tr 169	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	25/02/1986	TP.HCM	4.0	6.0	***0.0***		không đạt	21C67039
24	Tr 173	Võ Văn	Tiên	02/02/1994	Quảng Ngãi	5.5	7.0	***8.0***	**7.5**	đạt	20C34020
25	Tr 176	Trần Văn	Tiến	10/03/1994	TP.HCM	7.0	7.0	***7.5***	**7.5**	đạt	20C34021
26	Tr 179	Nguyễn Xuân	Toàn	20/02/1990	Trà Vinh	7.0	6.0	***8.0***	**7.5**	đạt	20C11056
27	Tr 180	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	28/01/1997	Khánh Hòa	7.0	8.0	***7.5***	**7.5**	đạt	20C82011
28	Tr 200	Phạm Anh	Việt	17/05/1995	Bình Dương	7.0	6.0	***7.0***	**6.5**	đạt	20C11060
29	Tr 201	Đặng	Vinh	14/06/1994	TP.HCM	7.0	7.0	***8.0***	**7.5**	đạt	20C11061
30	Tr 205	Lê Nguyễn Yến	Vy	17/01/1998	Đồng Nai	7.5	7.0	v			21C64019
31	Tr03- 030	Lưu Đức	Tuấn	14/04/1998	TP.HCM	7.0	6.5	***5.5***	**6.0**	đạt	20C13013
32	Tr03- 031	Nguyễn	Phúc	16/09/1989	Đà Nẵng			***1.0***		không đạt	21C31007
33	Tr03- 032	Lê Xuân	Cường	01/11/1999	Đồng Nai	7.0	7.0	***3.0***		không đạt	21C13002
34	Tr03- 034	Phạm Ngọc Bảo	Tú	22/08/1997	TP.HCM	7.0	7.0	***6.5***	**6.5**	đạt	20C82012
35	Tr03- 035	Ngô Thị Hoài	Diễm	08/10/1993	Quảng Bình			***7.0***	**7.0**	đạt	21C68003
36	Tr03- 036	Võ Thành	Chí	28/09/1995	TP.HCM	1.0	7.0	***7.0***	**6.5**	đạt	19C21003

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2022

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Nguyễn Xuân Vinh